



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Fun time 3 · Unit 9–10 (SGK tr. 46–47)



Tuần 22

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



ams



ebra



illage



olleyball



uice

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

ams (khoai mỡ)

ogurt (sữa chua)

oo (sở thú)

o-yos (con quay yo-yo)

ebu (bò u)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

zoo yogurt zebra yams

1. I want some

2. Do you like the?

3. Do you want some?

4. That's a

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. yogurt

a. sở thú

2. zoo

b. khoai mỡ

3. yams

c. ngựa vằn

4. zebra

d. sữa chua

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. What do you ? – I want some yo-yos.

(A) see (B) want (C) draw

2. What do you want? – I some yogurt.

(A) is (B) do (C) want

3. Do you like the zoo? – Yes, I .

(A) do (B) don't

4. Từ nào bắt đầu bằng chữ y?

(A) zoo (B) yo-yos (C) zebra

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: zoo zebra

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 22

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

– yams – zebra – village – volleyball – juice

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

yams (khoai mỡ) yogurt (sữa chua) zoo (sở thú) yo-yos (con quay yo-yo) zebu (bò u)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. I want some **yams**.
2. Do you like the **zoo**?
3. Do you want some **yogurt**?
4. That's a **zebra**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – d 2 – a 3 – b 4 – c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (want) 2. **C** (want) 3. **A** (do) 4. **B** (yo-yos)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

zoo zebra

on thi.app/phiếu-bài-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5